

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F.17
Số 58E Đường 2/4, phường Vĩnh Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nha Trang, tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		834,874,891,385	796,971,103,724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	112,003,366,829	231,433,968,864
1. Tiền	111		111,953,366,829	129,383,968,864
2. Các khoản tương đương tiền	112		50,000,000	102,050,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		41,200,000,000	36,200,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	41,200,000,000	36,200,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418,816,754,300	360,553,891,373
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	296,089,620,905	282,258,218,537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	71,472,005,720	31,320,485,042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	53,172,047,914	48,892,108,033
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1,916,920,239)	(1,916,920,239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		198,515,766,245	138,356,736,398
1. Hàng tồn kho	141	V.7	198,515,766,245	138,356,736,398
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64,339,004,011	30,426,507,089
1. Chi phải trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,469,307,782	1,252,143,796
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		53,975,590,046	28,145,424,210
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	8,894,106,183	1,028,939,083
4. Ghi định mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 23, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		559,510,334,388	525,984,187,657
1. Các khoản phải thu dài hạn	210		10,740,718,503	10,730,852,003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10,740,718,503	10,730,852,003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
11. Tài sản cố định	220		199,284,467,477	172,873,891,238
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	186,773,163,196	160,136,487,382
- Nguyên giá	222		354,483,300,515	325,599,436,031
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(167,710,137,319)	(165,462,948,649)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	12,511,304,281	12,737,403,856
- Nguyên giá	228		14,978,937,376	14,978,937,376
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,467,633,095)	(2,241,533,520)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		179,801,211,055	158,674,978,077
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	179,801,211,055	158,674,978,077
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		147,358,590,241	152,358,590,241
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	28,000,000,000	28,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	117,358,590,241	117,358,590,241
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	2,000,000,000	7,000,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22,325,347,112	31,345,876,098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	22,325,347,112	31,345,876,098
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,394,385,225,773	1,322,955,291,381

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2-4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		934,461,443,663	805,731,565,285
I. Nợ ngắn hạn	310		910,461,443,663	781,731,565,285
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	267,895,078,276	139,129,361,424
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	575,768,075	656,297,435
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1,992,403	19,887,401
4. Phải trả người lao động	314	V.15	9,939,057,000	18,243,257,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	5,173,368,761	5,743,548,940
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	5,877,002,182	5,239,088,467
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	609,117,014,187	598,341,638,839
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	11,882,162,779	14,358,485,779
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24,000,000,000	24,000,000,000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	24,000,000,000	24,000,000,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu trả lãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

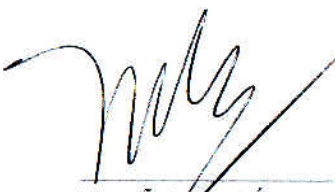
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

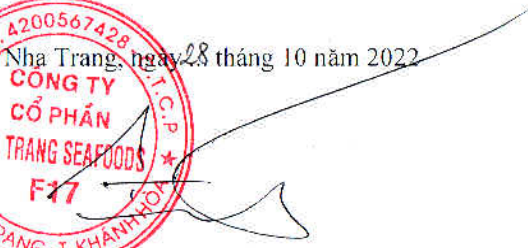
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		459,923,782,110	517,223,726,096
I. Vốn chủ sở hữu	410		459,923,782,110	517,223,726,096
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	188,000,000,000	199,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		188,000,000,000	199,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	17,957,399,540	17,957,399,540
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	253,966,382,570	300,266,326,556
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		281,046,343,556	300,266,326,556
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(27,079,960,986)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,394,385,225,773	1,322,955,291,381


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Nguyễn Văn Tiến
Kế toán trưởng


Ngô Văn Ích
Giám đốc



Nha Trang, ngày 28 tháng 10 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		Lũy kế phát sinh		
				Quý 3/2021	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	363,653,042,117	357,603,810,621	1,063,710,523,110	814,245,573,440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4,685,579,830	-	9,066,006,065	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		358,967,462,287	357,603,810,621	1,054,644,517,045	814,245,573,440
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	327,757,459,544	317,555,212,658	920,818,627,452	716,159,098,118
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31,210,002,743	40,048,597,963	133,825,889,593	98,086,475,322
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	11,871,050,993	9,035,509,472	30,290,618,232	17,436,147,223
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	24,887,774,305	6,011,125,879	45,900,846,256	15,210,033,649
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4,283,206,407	3,238,018,076	9,688,614,504	6,474,201,911
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	34,558,252,734	22,015,339,015	114,408,392,162	59,037,712,685
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	12,879,195,335	18,603,045,839	31,763,932,193	35,923,504,633
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29,244,168,638)	2,454,596,702	(27,956,662,786)	5,351,371,578
11. Thu nhập khác	31	VI.8	119,792,469	28,013,909	885,370,827	144,025,546
12. Chi phí khác	32	VI.9	4,762,129	51,961,502	8,669,027	659,194,581
13. Lợi nhuận khác	40		115,030,340	(23,947,593)	876,701,800	(515,169,035)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(29,129,138,298)	2,430,649,109	(27,079,960,986)	4,836,202,543
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.14	-	539,938,880	-	1,386,251,732
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(29,129,138,298)	1,890,710,229	(27,079,960,986)	3,449,950,811


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập

Nguyễn Đan Tiến
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 28 tháng 10 năm 2022

Ngô Văn Ích
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(27,079,960,986)	4,836,202,543
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,V.10	23,157,953,652	17,277,080,066
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	15,208,619,543	(3,038,483,612)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2,886,694,558)	(1,650,383,394)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	9,688,614,504	7,000,529,767
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,088,532,155	24,424,945,370
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(67,247,042,704)	(73,118,054,567)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	(60,159,029,847)	(110,227,525,847)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		115,743,760,167	(48,402,337,727)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8a,b	8,803,365,000	(1,383,158,477)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16,VI.5	(9,369,260,430)	(6,842,220,721)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4,088,549,795)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19,V.20	(2,801,926,680)	(2,705,858,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3,058,397,661	(222,342,760,064)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(90,447,307,823)	(37,580,711,677)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		613,175,926	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	8,000,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	20,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.51,VI.0	2,273,599,727	1,987,669,351
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(87,560,532,170)	(27,573,042,326)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	1,029,714,185,851	925,842,973,411
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1,034,255,615,607)	(747,290,026,263)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20	(31,207,769,000)	(33,686,889,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35,749,198,756)	144,866,058,148
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(120,251,333,265)	(105,049,744,242)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	231,433,968,864	187,379,463,840
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		820,731,230	7,700,540
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	112,003,366,829	82,337,420,138

Nha Trang, ngày 18 tháng 10 năm 2022Trần Thị Cẩm Vân
Người lậpNguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởngNgô Văn Ích
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại, nhà hàng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	66,53%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Thủy sản Seafoods	Số 71 Phan Bội Châu, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Quán cà phê 31024	Số 310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.214 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.076 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến các công ty con tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá do Công ty mẹ quy định (áp dụng tỷ giá 23.650 VND/USD).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty con

Các công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào các công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào các công ty con được trích lập khi các công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại các công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại các công ty con. Nếu các công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 12

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

08 – 10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

03 – 08

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

14. **Chi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Công ty được hưởng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu em được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân giá quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	973,031,767	1.562.898.667
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	110,980,335,062	127.821.070.197
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	50.000,000	102.050.000.000
Cộng	112,003,366,829	231.433.968.864

Toàn bộ tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.200.000.000	41.200.000.000	36.200.000.000	36.200.000.000
Dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000	43.200.000.000

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào các công ty con	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NT (i)	28.000.000.000	-	-	28.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 (iii)	-	-	-	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	117.358.590.241	-	-	117.358.590.241	-	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSP (iii)	72.094.580.000	-	-	72.094.580.000	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khoáng nóng Nha Trang	22.170.163.291	-	-	22.170.163.291	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Giá trị hợp lý	Số đầu năm		Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng	
Seafoods F17 ^(vi)						
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ^(v)	15.858.536.950	-		15.858.536.950	-	
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ^(vi)	6.930.000.000	-		6.930.000.000	-	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(vii)	285.310.000	-	554.526.400	285.310.000	-	825.814.100
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000	-		20.000.000	-	
Cộng	145.358.590.241	-	554.526.400	145.358.590.241	-	825.814.100

⁽ⁱ⁾ Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700527019 điều chỉnh lần thứ 3 ngày 13 tháng 01 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT 66,53% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 841.611 cổ phiếu tương đương 66,53% vốn điều lệ.

⁽ⁱⁱ⁾ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty còn sở hữu 5.440.000 cổ phiếu, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89.

⁽ⁱⁱⁱ⁾ Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSE.

^(iv) Tại ngày kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 5,16% vốn thực tế đã góp.

^(v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201718380 điều chỉnh lần thứ 02 ngày 15 tháng 12 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Green World Nha Trang tương đương 4,1% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 1.394.000 cổ phiếu, tương đương 4,1% vốn điều lệ. Ngoài ra, Công ty còn sở hữu chéo thông qua Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F.89 với tỷ lệ vốn góp là 4,5% vốn điều lệ.

^(vi) Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG). Tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu là 23.902 cổ phiếu với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSE để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Thủy sản NT</i>		
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1,788,823,008	719,529,537
Doanh thu bán vật tư, thành phẩm nội địa	17,618,182	47,021,367
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13,998,176	26,731,896
Doanh thu xuất bán hàng ủy thác	-	22,816,668,460
Công ty nhận hàng ủy thác xuất khẩu	199,083,132,375	120,025,108,134
Mua hàng nội địa	32,110,081,054	9,768,566,712
Phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu Công ty chi hộ	8,505,038,071	3,645,261,672

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>41,784,300,373</i>	<i>44,505,186,966</i>
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	36,833,655,084	12,170,829,682
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng Nóng Nha Trang Seafoods F17	23,252,000	5,050,000
Công ty Cổ phần Onsen	38,821,713	390,335,864
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods-F.89	4,668,384,998	9,107,047,483
Công ty Cổ phần Thủy Sản NT	149,659,304	22,754,497,040
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	23,890,910	23,836,364
Công ty Cổ phần In và Thương Mại Khánh Hòa	46,076,364	36,999,715
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	560,000	16,590,818
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>254,305,320,532</i>	<i>237,753,031,571</i>
Công ty NTSF Company, Inc	52,875,276,600	62,939,040,400
Công ty LP Foods Pte, Ltd	25,282,385,026	47,567,960,328
Công ty Seafood Connection B.V	47,295,477,585	29,504,567,956
Các khách hàng khác	128,852,181,321	97,741,462,887
Cộng	296,089,620,905	282,258,218,537

Toàn bộ khoản phải thu khách hàng của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.18a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>43,336,538,274</i>	<i>11,566,111,153</i>
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	43,332,578,274	11,562,151,153
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	3,960,000	3,960,000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	<i>28,135,467,446</i>	<i>19,754,373,889</i>
Công ty TNHH Anh Phát	10,529,318,000	524,350,530
Công Ty Cổ Phần Kỹ Thuật và Công Nghệ Trường Thịnh	7,058,593,642	-
Công ty TNHH Điện lạnh Miền Tây	-	8,797,898,503
Các nhà cung cấp khác	10,547,555,804	10,432,124,856
Cộng	71,472,005,720	31,320,485,042

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>53,172,047,914</i>	-	<i>48,892,108,033</i>	-
Tạm ứng	51,386,081,943	-	47,063,320,793	-
Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi dự thu	566,969,728	-	432,473,423	-
Thuế TNCN còn phải thu	670,355,272	-	600,911.804	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	548,640,971	-	795,402,013	-
Cộng	53,172,047,914	-	48,892,108,033	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	10.740.718.503	-	10,730,852,003	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	6,000,000,000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	4.500.000.000	-	4,500,000,000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150,000,000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ^(iv)	80.852.003	-	80,852,003	-
- Quỹ Bảo Vệ Môi Trường Tỉnh Khánh Hòa ^(v)	9.866.500	-	-	-
Cộng	10.740.718.503	-	10,730,852,003	-

(i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood F17 tại số 777 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang.

(ii) Ký quỹ thực hiện dự án “Khu liên hợp Dịch vụ Du lịch – Thương mại và trung tâm giới thiệu sản phẩm NTSF F17” tại số 2-4 đường Bãi Dương.

(iii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.

(iv) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mỏ nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

(v) Ký quỹ thực hiện dự án “Khai thác và sử dụng nước khoáng giếng khoan HT1-Mỏ nước khoáng Hòn Thơm, Vĩnh Ngọc, NT”

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila -						
Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Trả trước cho người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	127.403.230	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Cộng		1.916.920.239		1.916.920.239

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.916.920.239	1.931.941.239
Số cuối kỳ	1.916.920.239	1.916.920.239

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17,177,530,520	-	13.325.875.731	-
Công cụ, dụng cụ	136,199,038	-	165.785.702	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	8,971,483,990	-	-	-
Thành phẩm	172,082,085,192	-	124.693.111.899	-
Hàng hóa	148,467,505	-	171.963.066	-
Cộng	198,515,766,245	-	138.356.736.398	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa (xem thuyết minh số V.18a).

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	427,233,117	588,171,615
Công cụ, dụng cụ	980,315,662	575,710,509
Chi phí sửa chữa	61,759,003	88,261,672
Cộng	1,469,307,782	1,252,143,796

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	6,130,797,349	17,876,953,015
Chi phí công cụ dụng cụ	12,134,504,779	7,674,668,142
Chi phí sửa chữa	3,500,911,625	5,098,557,949
Chi phí đền bù	427,500,000	450,000,000
Các chi phí trả trước dài hạn khác	131,633,359	245,696,992
Cộng	22,325,347,112	31,345,876,098

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	115,184,751,767	174,001,571,660	35,563,370,513	849,742,091	325,599,436,031
Mua trong năm	1,319,093,481	7,168,352,776	1,037,941,852	-	9,525,388,109

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Dầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	39,825,719,182	352,000,000	-	-	40,177,719,182
Thanh lý, nhượng bán	(858,489,594)	(19,960,753,213)	-	-	(20,819,242,807)
Số cuối kỳ	155,471,074,836	161,561,171,223	36,601,312,365	849,742,091	354,483,300,515
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	3,658,462,849	41,646,676,420	9,076,484,829	435,378,355	54,817,002,453
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	35,156,352,075	109,455,511,891	20,286,194,431	564,890,252	165,462,948,649
Khấu hao trong năm	10,389,369,952	10,367,240,146	2,111,386,118	63,857,861	22,931,854,077
Thanh lý, nhượng bán	(853,304,662)	(19,831,360,745)	-	-	(20,684,665,407)
Số cuối kỳ	44,692,417,365	99,991,391,292	22,397,580,549	628,748,113	167,710,137,319
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	80,028,399,692	64,546,059,769	15,277,176,082	284,851,839	160,136,487,382
Số cuối kỳ	110,778,657,471	61,569,779,931	14,203,731,816	220,993,978	186,773,163,196
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 55,581,300,120 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
Số cuối kỳ	14.606.937.376	372.000.000	14.978.937.376
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	182.000.000	182.000.000
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.954.033.520	287.500.000	2.241.533.520
Khấu hao trong năm	197.599.575	28.500.000	226.099.575
Số cuối kỳ	2,151,633,095	316,000,000	2,467,633,095
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	12.652.903.856	84.500.000	12.737.403.856
Số cuối kỳ	12,455,304,281	56,000,000	12,511,304,281
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.18a).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	158,540,372,200	37,724,079,235	(40,177,719,182)	(8,801,881,542)	147,284,850,711
- Dự án Trung tâm thương mại – Du lịch Nha Trang Seafood – F17	109,676,516,167	33,987,143,474	-	(26,175,000)	143,637,484,641
- Các công trình vùng nuôi	45,694,400,414	3,727,075,523	(40,177,719,182)	(8,775,706,542)	468,050,213
- Các công trình khác	3,169,455,619	9,860,238	-	-	3,179,315,857
Sửa chữa lớn tài sản cố định	134,605,877	32,678,107,534	-	(296,353,067)	32,516,360,344
Cộng	158,674,978,077	70,402,186,769	(40,177,719,182)	(9,098,234,609)	179,801,211,055

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>245,414,875,170</i>	<i>112,009,967,672</i>
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	141,347,388,924	68,348,850,062
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	32,866,082,212	14,923,072,914
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	71,199,658,034	28,738,044,696
Công ty Cổ phần Onsen	1,746,000	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>22,480,203,106</i>	<i>27,119,393,752</i>
Các nhà cung cấp khác	22,480,203,106	27,119,393,752
Cộng	267,895,078,276	139,129,361,424

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Mĩ Food SRL	503,707,950	-
Các khách hàng khác	72,060,125	656,297,435
Cộng	575,768,075	656,297,435

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thu hồi tiền thuế đất đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	717,108,577	(717,108,577)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1,028,939,083	-	-	-	- 1,028,939,083
Thuế thu nhập cá nhân	19,887,401	-	2,738,063,935	(2,755,958,933)	-	1,992,403
Thuế tài nguyên	-	-	68,472,000	(68,472,000)	-	-
Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	67,566,575	(67,566,575)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	5,006,051,500	-	(12,871,218,600)	- 7,865,167,100
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	81,304,000	(81,304,000)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Thu hồi tiền thuế đất đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế môn bài	-	-	8,000,000	(8,000,000)	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1,360,000	(1,360,000)	-	-	-
Cộng	19,887,401	1,028,939.083	8,687,926,587	(3,699,770,085)	(12,871,218,600)	1,992,403	8,894,106,183

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Từ tháng 2/2022, thuế suất thuế giá trị gia tăng của các mặt hàng/dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Riêng thu nhập từ hoạt động chế biến trong lĩnh vực thủy sản, Công ty áp dụng thuế suất 15% theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2016 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(27,079,960,986)	4,836,202,543
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	1,507,660,836	2,765,730,395
Các khoản điều chỉnh giảm	(7,417,215,523)	(2,496,150,390)
Thu nhập chịu thuế	(32,989,515,673)	5,105,782,548
Thu nhập được miễn thuế	(24,680,000)	-
Thu nhập tính thuế	(33,014,195,673)	5,105,782,548
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	1,021,156,510
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	(223,454,573)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các kỳ trước	-	588,549,795
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	1,386,251,732

Thuế tài nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ với mức thuế suất 8%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động cuối kỳ.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Văn phòng Công ty	1,572,847,000	3,276,608,000
Nhà máy F17	4,039,608,000	7,890,652,000
Nhà máy F90	3,536,231,000	6,462,134,000
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	189,823,000	46,749,000
Vùng nuôi	600,548,000	567,114,000
Cộng	9,939,057,000	18,243,257,000

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>96,657,534</i>	<i>-</i>
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang - Chi phí lãi vay phải trả	96,657,534	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5,076,711,227</i>	<i>5,743,548,940</i>
Chi phí hoa hồng môi giới phải trả	2,684,609,741	2,796,102,957
Chi phí lãi vay phải trả	875,627,181	652,930,641
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1,516,474,305	2,294,515,342
Cộng	5,173,368,761	5,743,548,940

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	4,453,238,936	3,943,120,536
Bảo hiểm xã hội	-	19,279,485
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360,283,475	360,283,475
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1,063,479,771	916,404,971
Cộng	5,877,002,182	5,239,088,467

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn**18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	214,000,670,209	173.572.737.340
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	274,611,607,642	311.205.853.950
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100,244,607,190	96.060.875.625

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang ^(iv)	20,260,129,146	17,502,171,924
Cộng	609,117,014,187	598,341,638,839

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (ii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trại sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xường Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iv) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (v) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương – Chi nhánh Nha Trang để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	598,341,638,839
Số tiền vay phát sinh	1,029,714,185,851
Số tiền vay đã trả	(1,034,255,615,607)
Đánh giá lại số dư cuối năm	15,316,805,104
Số cuối kỳ	609,117,014,187

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18b. Vay dài hạn

Số cuối kỳ là khoản vay Công ty Cổ phần Green World Nha Trang (là bên liên quan) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 4,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn là 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	24.000.000.000
Số cuối kỳ	24.000.000.000

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	10.240.625.491	-	(1,542,069,000)	8,698,556,491
Quỹ phúc lợi	4.117.860.288	-	(934,254,000)	3,183,606,288
Cộng	14.358.485.779	-	(2,476,323,000)	11,882,162,779

20. Vốn chủ sở hữu**20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.000.000.000	17.957.399.540	238,224,679,327	455,182,078,867
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	3,449,950,811	3,449,950,811
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(19,927,769,000)	(19,927,769,000)
Số dư cuối kỳ	199.000.000.000	17.957.399.540	221,746,861,138	438,704,260,678
Số dư đầu năm nay	199,000,000,000	17,957,399,540	300,266,326,556	517,223,726,096
Giảm vốn điều lệ do Công ty thu hồi cổ phiếu thưởng	(11,000,000,000)	-	-	(11,000,000,000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	(27,079,960,986)	(27,079,960,986)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	(20,207,769,000)	(20,207,769,000)
Chi trả lao HĐQT	-	-	(325,603,680)	(325,603,680)
Thu hồi tiền thuê đất Phường Đông Phương Phạm Văn Đồng	-	-	1,313,389,680	1,313,389,680
Số dư cuối kỳ này	188,000,000,000	17,957,399,540	253,966,382,570	459,923,782,110

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 201/NQ-DHDCD ngày 23 tháng 4 năm 2022 đã thông qua Nghị quyết về việc hoán đổi giữa số cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018 bằng chỉ cổ tức cho số cổ phiếu này bằng tiền mặt trong năm 2022 và giảm vốn điều lệ. Cổ phiếu thưởng đã chia trong năm 2018 tương ứng 11.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thực hiện Nghị quyết nêu trên, Công ty đã giảm vốn điều lệ 11.000.000.000 VND. Ngày 02 tháng 6 năm 2022 Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 12 về việc giảm vốn điều lệ xuống còn 188.000.000.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2022, chi tiết cổ đông góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Ngô Văn Lich	61.078.590.000	64.484.680.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	37.209.940.000	39.442.530.000
Bà Đào Thị Minh Hương	18.800.000.000	19.928.000.000
Các cổ đông khác	70.911.470.000	75.144.790.000
Cộng	188.000.000.000	199.000.000.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	18.800.000	18.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.800.000	18.800.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Như trình bày tại thuyết minh số V.20a, Công ty đã hoán đổi giữa số cổ phiếu thưởng đã chia năm 2018 bằng chỉ số cổ tức cho số cổ phiếu này bằng tiền mặt trong năm 2022 và giảm vốn điều lệ. Cổ phiếu thưởng đã chia trong năm 2018 tương ứng 11.000.000.000 VND. Công ty đã chi số cổ tức này cho cổ đông.

Ngoài ra, trong kỳ Công ty còn chi cổ tức từ lợi nhuận các năm trước cho các cổ đông với số tiền 20.207.769.000 VND theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/NQ-HDQT ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc chi trả cổ tức và Nghị quyết số 174/NQ-HDQT ngày 05 tháng 4 năm 2022. Số cổ tức đã chi này nằm trong tổng mức chi trả cổ tức dự kiến trong năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 201/ĐHĐCĐ-F17 ngày 23 tháng 4 năm 2022.

21. Các khoản nợ ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền chỉ có 4,584,574.24 USD (số đầu năm là 4.242.607,41 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Quý 3 Năm nay</u>	<u>Quý 3 Năm trước</u>	<u>Lũy kế Năm nay</u>	<u>Lũy kế Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	355,113,623,087	356,738,956,029	1,044,398,650,511	804,555,867,566
Doanh thu bán hàng hóa	1,330,235,674	32,467,273	1,532,275,154	4,344,264,464

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	7,209,183,356	832,387,319	17,779,597,445	5,345,441,410
Cộng	363,653,042,117	357,603,810,621	1,063,710,523,110	814,245,573,440
2. Các khoản giảm trừ doanh thu				
	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chiết khấu thương mại	-	-	237,897,251	-
Hàng bán bị trả lại	4,685,579,830	-	8,828,108,814	-
Cộng	4,685,579,830	-	9,066,006,065	-
3. Giá vốn hàng bán				
	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	322,880,130,747	317,531,562,789	912,096,458,427	712,489,373,204
Giá vốn của hàng hóa đã bán	92,693,581	23,053,450	279,407,931	197,001,154
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	4,784,635,216	596,419	8,442,761,094	3,472,723,760
Cộng	327,757,459,544	317,555,212,658	920,818,627,452	716,159,098,118
4. Doanh thu hoạt động tài chính				
	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	504,832,145	429,604,857	2,383,416,032	1,650,383,394
Cổ tức, lợi nhuận được chia			24,680,000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	11,366,218,848	5,917,849,360	27,881,022,200	13,097,708,574
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2,688,055,255	-	2,688,055,255
Chiết khấu thanh toán			1,500,000	-
Cộng	11,871,050,993	9,035,509,472	30,290,618,232	17,436,147,223
5. Chi phí tài chính				
	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí lãi vay	4,283,206,407	3,238,018,076	9,688,614,504	7,000,529,767
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	5,395,910,513	2,773,107,803	21,003,499,917	8,209,503,882

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15,208,619,543		15,208,619,543	-
Phí lưu ký chứng khoản	37,842		112,292	-
Cộng	24,887,774,305	6,011,125,879	45,900,846,256	15,210,033,649

6. Chi phí bán hàng

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2,003,757,213	1,337,742,705	5,649,203,495	5,114,589,166
Chi phí vật liệu, dụng cụ	28,101,019	-	60,983,148	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	241,266,738	235,968,066	726,753,787	709,481,671
Chi phí điện, điện thoại	1,633,083,592	1,755,062,407	4,698,731,262	4,952,431,128
Chi phí vận chuyển quốc tế	18,545,564,449	11,093,325,822	64,286,020,872	25,166,524,369
Chi phí vận chuyển nội địa	2,892,858,431	1,798,620,204	8,393,997,278	5,032,372,208
Chi phí hoa hồng môi giới	573,860,894	1,641,810,247	4,599,172,211	4,151,004,093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,902,506,632	2,730,679,263	18,704,646,117	8,161,708,513
Các chi phí khác	2,737,253,766	1,422,130,301	7,288,883,992	5,749,601,537
Cộng	34,558,252,734	22,015,339,015	114,408,392,162	59,037,712,685

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Chi phí cho nhân viên	3,859,322,834	3,578,092,305	10,920,090,173	10,971,668,835
Chi phí vật liệu, dụng cụ	19,889,080	64,674,247	57,499,041	289,197,461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	627,867,342	762,875,341	1,883,602,026	2,372,805,944
Thuế, phí và lệ phí	3,139,341,306	2,415,353,023	3,570,360,474	2,825,841,676
Dự phòng trợ cấp thời việc	48,575,000	-	172,806,000	98,110,500
Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá	-	-	3,893,017,800	1,761,657,856
Chi phí phòng chống Covid -19	-	8,033,324,433	-	8,033,324,433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97,286,079	292,309,024	922,472,142	351,599,776

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Các chi phí khác	5,086,913,694	3,456,417,466	10,344,084,537	9,219,298,152
Cộng	12,879,195,335	18,603,045,839	31,763,932,193	35,923,504,633

8. Thu nhập khác

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Lãi thanh lý tài sản cố định			478,598,526	
Thu nhập từ bán phế liệu vật tư	118,984,722	10,580,909	279,723,854	100,572,545
Các khoản thu nhập khác	807,747	17,433,000	127,048,447	43,453,001
Cộng	119,792,469	28,013,909	885,370,827	144,025,546

9. Chi phí khác

	Quý 3 Năm nay	Quý 3 Năm trước	Lũy kế Năm nay	Lũy kế Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu, lãi chậm nộp thuế	4,762,129	4,561,502	6,182,004	485,026,353
Các khoản chi phí khác	-	47,400,000	2,487,023	174,168,228
Cộng	4,762,129	51,961,502	8,669,027	659,194,581

V. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

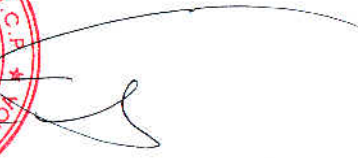
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.


Trần Thị Cẩm Vân
Người lập


Nguyễn Đan Tiến
Kế toán trưởng

Nha Trang, ngày 28 tháng 10 năm 2022




Ngô Văn Ích
Giám đốc